



Ký bởi: Tổng Công Ty
Bảo Đảm An Toàn Hàng
Hải Miền Nam
Ký ngày: 01.07.2022
10:35:13

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 150/TBHH-TCTBĐATHH MN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 01 tháng 7 năm 2022

- P. KT
- P. HA
- P. KHV

Chanh



THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật khu vực đón trả hoa tiêu
tại cảng biển An Thới – tỉnh Kiên Giang

KGG - 03 - 2022

Vùng biển: Tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu ĐHTAT_2206-VT1 và ĐHTAT_2206-VT2 tỷ lệ 1/5000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 6/2022, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của khu vực đón trả hoa tiêu tại cảng biển An Thới – tỉnh Kiên Giang như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu vực đón trả hoa tiêu vị trí 1 được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,3 hải lý, tâm VT1 tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
VT1	09°57'42,0"N	104°01'48,0"E	09°57'38,3"N	104°01'54,5"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,3 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu vực đón trả hoa tiêu vị trí 2 được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, tâm VT2 tại vị trí có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
VT2	10°02'12,0"N	103°59'12,0"E	10°02'08,3"N	103°59'18,5"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 8,8 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hành hải trong khu vực đón trả hoa tiêu tại cảng biển An Thới – tỉnh Kiên Giang căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hành hải an toàn, tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang. /

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV V;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT, P.ATHH_{Đat}.

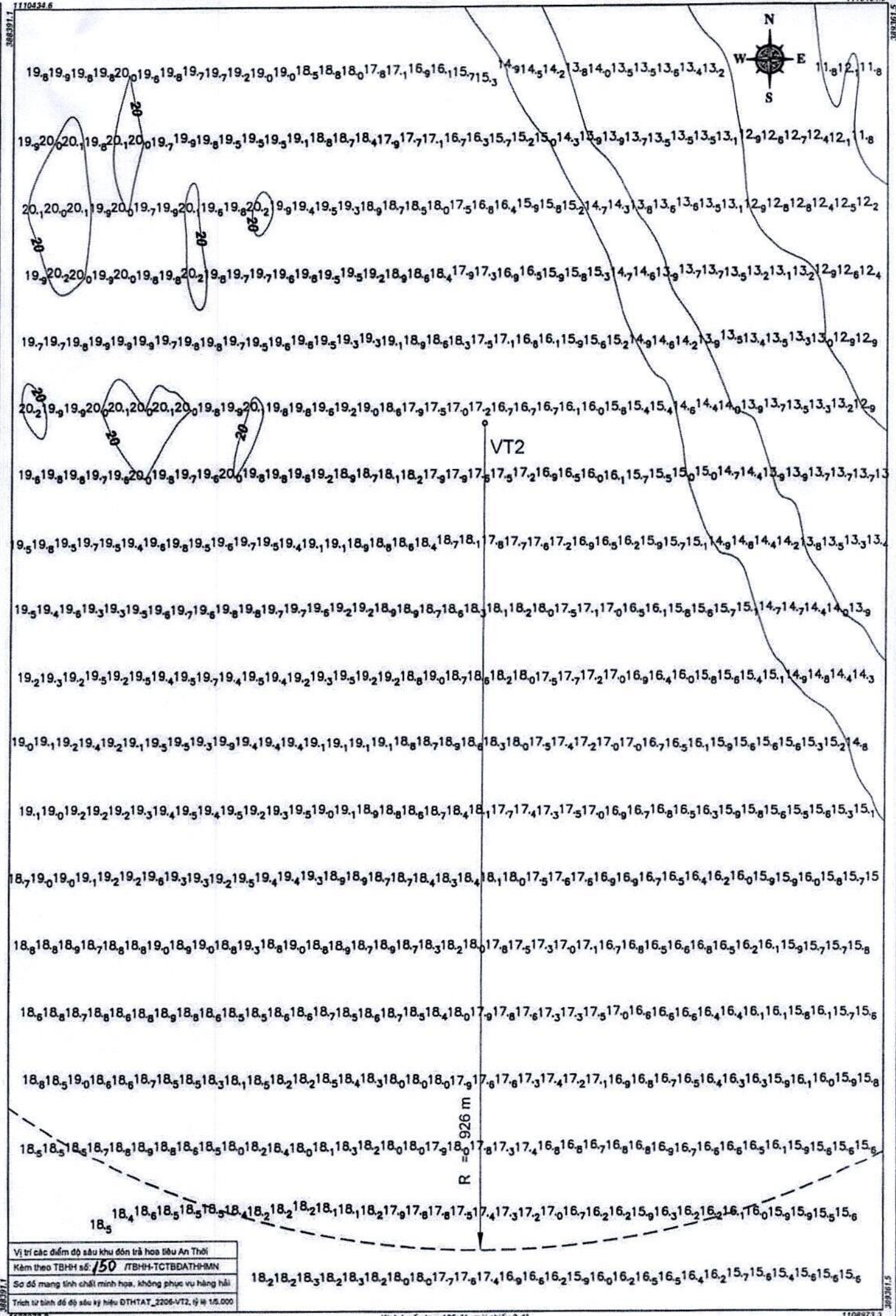
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thái Công

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Công ty CP Vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Công ty vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 11 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 12 Cty CP Vận tải & Cung ứng Xăng dầu đường biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (Saigonship)
- 14 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 15 Công ty Vận tải biển VINASHIP
- 16 CN 1 – Cty CP Trục Vớt Cứu Hộ Việt Nam
- 17 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 18 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 19 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 20 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 21 Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh
- 22 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 23 Bộ đội biên phòng tỉnh Kiên Giang
- 24 Đài thông tin Duyên hải Kiên Giang
- 25 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Kiên Giang
- 26 Phòng CSGT đường thủy tỉnh Kiên Giang
- 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 28 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam



Vị trí các điểm độ sâu khu đón trả hoa tiêu An Thới
Kèm theo TBHH số. 150 /TBHH-TCTBĐA THMMN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu ĐHTAT_2206-VT2, tỷ lệ 1:5.000

18,2 18,2 18,3 18,2 18,3 18,2 18,0 18,0 17,7 17,4 16,9 16,6 16,2 15,9 16,0 16,2 16,5 16,4 16,2 15,7 15,6 15,4 15,6 15,6

